

Số: 3340/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình:
Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình
tại xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (giai đoạn I)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình tại xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Giai đoạn I);

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 07/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016 về việc ban hành Quy định phân cấp Quản lý Hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; số 19/2017/QĐ-UBND ngày 12/10/2017, số 02/2018/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 21/7/2016;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 56/TTr-SKHCCN ngày 20/12/2021; của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 382/BC-SXD ngày 27/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình: Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình tại xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (giai đoạn I), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình tại xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Giai đoạn I).

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế chủ yếu:

4.1. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Xây dựng khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình tại xã Minh Quang, huyện Vũ Thư nhằm đáp ứng về cơ sở vật chất phục vụ cho việc:

- Tổ chức tiếp nhận công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, thực nghiệm các biện pháp kỹ thuật, xây dựng mô hình trình diễn để chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức sản xuất giống có chất lượng cao để cung cấp cho các tổ chức và nông hộ sản xuất thương phẩm.

- Triển khai các hoạt động bảo tồn nguồn giống cây, con quý hiếm.

4.2. Quy mô xây dựng:

Dự án xây dựng khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Thái Bình tại xã Minh Quang, huyện Vũ Thư được xây dựng trên khu đất có diện tích 99.169,5 m². Dự án (giai đoạn I) gồm các hạng mục như sau:

a) Phần xây dựng:

- San lấp mặt bằng;

- Hồ sinh học và hồ chứa nước diện tích khoảng 5.570 m².

- Hệ thống tường rào bao quanh tổng chiều dài khoảng 1.572,65 m.

- Hệ thống sân đường giao thông nội bộ.

- Hệ thống cấp thoát nước:

+ Hệ thống cấp nước: Hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất; hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt; giếng bơm cấp nước; nhà máy bơm diện tích 10 m²; trạm bơm phòng cháy chữa cháy 9 m².

+ Hệ thống thoát nước: Hệ thống thoát nước thải; hệ thống thoát nước mưa.

- Trạm biến áp và nhà để máy phát điện dự phòng, diện tích 16 m²;

- Hệ thống cấp nguồn điện sản xuất và điện chiếu sáng sân đường.

- Khu điều hành chung của Dự án:

+ Nhà điều hành 2 tầng với tổng diện tích sàn 406 m².

+ Kho lạnh 01 tầng với diện tích 153 m².

+ Lán để xe số 1 diện tích 102 m²; lán để xe số 2 diện tích 55 m².

+ Nhà bảo vệ 1 tầng diện tích sàn 21,4 m² và Nhà bảo vệ - sát trùng 1 tầng diện tích khoảng 41,8 m².

- Khu thực nghiệm cây trồng:

+ Nhà nuôi cấy mô và bảo tồn gen ươm giống 1 tầng diện tích sàn 252 m².

+ Nhà sản xuất thực nghiệm và lưu giữ giống gốc số 1 (nhà kính) 1 tầng diện tích sàn 1.040 m².

+ Nhà sản xuất thực nghiệm và lưu giữ giống gốc số 2 (nhà lưới) với diện tích khoảng 3.625 m².

- Khu thực nghiệm chăn nuôi:

+ Nhà kỹ thuật 1 tầng, diện tích 178,5 m².

+ Nhà chăn nuôi gia cầm số 01 diện tích 325 m² và nhà chăn nuôi gia cầm số 02 diện tích 325 m².

+ Nhà ấp trứng diện tích 25 m².

+ Nhà úm gia cầm, diện tích 50 m².

+ Nhà xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi, diện tích 100 m².

+ Khu xử lý nước thải chăn nuôi: 01 bể xử lý Bioga 40 m²; 01 bể xử lý nước thải chăn nuôi 30 m².

+ Trạm bơm và bể nước: 01 trạm bơm và tháp nước 16 m²; bể lọc nước số 1 diện tích 32 m²; bể lọc nước số 2 diện tích 22 m²; bể nước ngầm 115,2 m³.

b) Phần thiết bị: Các thiết bị phục vụ cho công tác điều hành, nghiên cứu thực nghiệm của dự án.

4.3. Giải pháp thiết kế:

4.3.1. San lấp mặt bằng:

- Thi công bóc lớp đất hữu cơ mặt ruộng để đắp lên các khu đất trồng cây.

- Thi công đắp bờ chắn cát, đất bằng đất đắp đầm chặt k 90.

- San lấp các khu đất xây dựng với tổng diện tích khoảng 17.568,5 m² bằng cát đen đầm chặt đến cao độ hoàn thiện trung bình +2.400 m.

- Đắp đất các khu đất trồng cây với tổng diện tích khoảng 18.591,74 m² đến cao độ trung bình +1,600 m (tận dụng đất bóc hữu cơ kết hợp đất mua thêm nếu thiếu).

4.3.2. Hồ sinh học và hồ chứa nước:

- Hồ sinh học số 1 có diện tích 1.922 m² chiều sâu trung bình 2,5 m.

- Hồ sinh học số 2 có diện tích 1.029 m² chiều sâu trung bình 2,5 m.
- Hồ sinh học số 3 có diện tích 1.076 m² chiều sâu trung bình 2,5 m.
- Hồ chứa nước có diện tích 1.543 m² chiều sâu trung bình 2,5 m.

4.3.3. Tường rào:

Tổng chiều dài tường rào bao quanh 1.572,65 m. Trong đó phần tường rào bao quanh giáp đường quy hoạch số 3, đường quy hoạch số 1 và tường rào dọc đường nội bộ số 6 xây tường gạch không nung phía trên lắp lưới B40, phần tường rào bao quanh khu nghĩa trang của địa phương xây tường đặc bằng gạch không nung, phần tường rào mặt trước của dự án giáp đường quy hoạch số 2 xây gạch không nung, phía trên lắp hoa sắt. Móng tường rào xây gạch/đá hộc, trụ bê tông cốt thép.

4.3.4. Hệ thống sân đường giao thông nội bộ:

- Hệ thống đường giao thông nội bộ: Mặt đường bê tông đá 1 x 2 mác 200 dày 14 cm; lớp ni lông lót chống mất nước; cấp phối đá dăm dày 10 cm; cát đen đầm chặt k 98 dày 50 cm; cát đen đầm chặt k 90.

- Sân bê tông có tổng diện tích khoảng 5.035 m², lớp kết cấu sân: Mặt sân bê tông đá 1 x 2 mác 200 dày 10 cm; lớp ni lông lót chống mất nước; cát đen đầm chặt k 90.

4.3.5. Hệ thống cấp thoát nước:

a) Hệ thống cấp nước: Bố trí mạng lưới cấp nước theo mạng vòng. Xây dựng mạng lưới đường ống dẫn chính và đường ống phân phối theo mạng vòng sử dụng ống HDPE - PN 8 có đường kính D 25 mm đến D 90 mm.

- Hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất: Nước phục vụ sản xuất chăn nuôi lấy từ mương nước hiện có được dẫn vào hồ dự trữ nước thông qua hệ thống giếng bơm và máy bơm nước hồ, sau đó được dẫn từ hồ qua bể lọc nước và dẫn vào bể nước ngầm rồi đưa lên tháp nước sau đó cung cấp nước để phục vụ cho các hạng mục công trình phục vụ sản xuất thông qua đường ống chính HDPE D 90 mm và các đường ống nhánh HDPE D 63 mm, HDPE D 32 mm.

- Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt: Nước sạch dự kiến cung cấp nước cho khu thực nghiệm là nguồn nước nhà máy cấp nước Vũ Thư cấp nước cho toàn xã Minh Quang. Điểm đầu nối tại nút giao với đường 220 C, cấp đến các téc nước tại nhà điều hành, nhà kỹ thuật, nhà bảo vệ và sát trùng, nhà bảo vệ... thông qua ống nước HDPE D 25 mm, từ các téc nước đó cấp nước cho khu vực sinh hoạt, vệ sinh.

- Xây dựng giếng bơm cấp nước với kích thước 3,36 m x 1,94 m sâu 4,90 m, kết cấu vách bê tông cốt thép.

- Xây dựng nhà máy bơm diện tích 10 m² với kích thước 4 m x 2,5 m cao 2,6 m, kết cấu khung cột, kèo thép mái lợp tôn.

- Xây dựng trạm bơm phòng cháy chữa cháy 9 m² với kích thước 3 m x 3 m cao 3,1 m, kết cấu móng và tường xây gạch, mái đổ bê tông cốt thép, trát vữa xi măng cát mác 75 quét ve 3 nước hoàn thiện.

c) Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi từ các hạng mục công trình được thải ra và được dẫn ra các hố ga sẵn có bằng ống UPVC D 90 mm ÷ D 110 mm sau đó được dẫn về bể chứa bioga bằng hệ thống ống thoát nước thải D 150 mm ÷ D 400 mm và được xử lý bởi trạm xử lý nước thải. Nước sau khi được xử lý được dẫn ra hồ sinh học và thải ra bên ngoài khi đã đảm bảo tiêu chuẩn để xả ra môi trường.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Hệ thống thoát nước mưa được bố trí riêng biệt với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi.

+ Hệ thống thoát nước mặt sử dụng rãnh B 400 mm, B 500 mm và B 600 mm thu nước sau đó được thoát ra hệ thống cống thoát nước hiện có rồi đổ vào kênh mương thủy lợi qua cửa xả.

4.3.6. Trạm biến áp và nhà để máy phát:

a) Trạm biến áp: Xây dựng một trạm biến áp cấp điện công suất 500 KVA và đường cáp ngầm 24 KV cấp điện cho trạm biến áp.

b) Xây dựng nhà để máy phát điện: Kích thước 4,22 m x 3,22 m kết cấu móng và tường xây gạch, mái lắp xà gồ thép lợp tôn, trát vữa xi măng cát mác 75, quét ve 3 nước hoàn thiện. Máy phát điện dự phòng 3 pha 100 KVA cung cấp cho nhà nhà sản xuất thực nghiệm và lưu giữ giống gốc số 1 (nhà kính) khi mất điện lưới thông qua chuyển nguồn ATS 200 A.

4.3.7. Hệ thống cấp nguồn điện sản xuất và điện chiếu sáng sân đường:

a) Hệ thống cấp nguồn điện sản xuất (cấp điện hạ tầng):

Nguồn điện cấp cho khu thực nghiệm được lấy từ trạm biến áp của dự án và thông qua tủ hạ áp tổng T 0 đặt tại nhà máy phát điện. Máy phát điện 100 KVA cấp nguồn cho nhà nhà thực nghiệm và lưu giống gốc số 1 khi mất điện lưới thông qua bộ ATS chuyển nguồn điện lưới/máy phát điện.

Tủ nguồn điện hạ áp từ tủ T 0 cấp nguồn cho các tủ hạ áp ngoài trời từ T 1 đến T 5 thông qua hệ thống cáp ngầm. Tủ điện hạ áp từ T 1 đến T 3 cấp điện đến các tủ điện của từng hạng mục công trình và cấp điện cho tủ ngoài trời T 4 của giai đoạn 2. Tất cả các cấp điện động lực sử dụng cáp ngầm đặt trong rãnh cáp.

b) Hệ thống chiếu sáng sân đường:

Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng sân đường được lấy từ tủ điện T 5 và được chia làm 3 lộ (L 1 - L 3) chiếu sáng thông qua cáp điện cu/xlpe/pvc/pvc -2 x 4 mm² chiếu sáng cho toàn bộ hạng mục sân đường giai đoạn 1. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn led 150 W và hệ thống cột đèn cao áp cao 9 m.

c) Giải pháp thiết kế hệ thống chống sét, nối đất:

+ Hệ thống chống sét: Sử dụng hệ thống chống sét chủ động và hệ thống chống sét cổ điển tùy theo tính chất của từng công trình.

+ Hệ thống nối đất: Gồm các cọc tiếp địa liên kết với nhau bằng hệ thống dây dẫn. Tất cả tủ điện, bảng điện, thiết bị điện có vỏ bằng kim loại được nối với hệ thống nối đất.

4.3.8. Khu điều hành chung của Dự án:

a) Nhà điều hành 2 tầng:

Nhà điều hành 2 tầng với chiều dài nhà 25,42 m, chiều rộng 8,02 m, chiều cao các tầng đều bằng 3,6 m, có bố trí hành lang phía trước chiều rộng 1,8 m tổng diện tích sàn của nhà là 406 m². Công trình được xây dựng bằng khung cột bê tông cốt thép kết hợp tường xây gạch không nung, mái đổ bê tông cốt thép và xây tường thu hồi lợp mái tôn chống nóng, trát hoàn thiện vữa xi măng mác 75, lăn sơn hoàn thiện 1 lớp lót 2 lớp màu.

b) Kho lạnh 1 tầng:

Nhà kho lạnh 1 tầng với chiều dài nhà 20,92 m, chiều rộng 7,32 m, chiều cao 5,85 m; tổng diện tích sàn của nhà là 153 m². Công trình được xây dựng bằng khung cột bê tông cốt thép kết hợp tường xây gạch không nung, mái đổ bê tông cốt thép và xây tường thu hồi lợp mái tôn chống nóng, trát hoàn thiện vữa xi măng mác 75, quét vôi ve hoàn thiện.

c) Lán để xe:

- Lán để xe số 1 với kích thước 6,1 m x 20,4 m, được thiết kế móng đơn bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200, kết cấu khung thép, xà gồ thép hộp, mái lợp tôn sóng, nền đổ bê tông.

- Lán để xe số 2 với kích thước 3,77 m x 16,2 m, được thiết kế móng đơn bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200, kết cấu khung thép, xà gồ thép hộp, mái lợp tôn sóng, nền đổ bê tông.

d) Nhà bảo vệ:

- Nhà bảo vệ 1 tầng với kích thước mặt bằng 4,63 m x 4,63 m, chiều cao 5,45 m. Công trình được thiết kế với kết cấu móng gạch, tường xây gạch không nung 220 chịu lực, mái bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200 dày 10

cm và xây tường thu hồi lợp mái tôn chống nóng, trát hoàn thiện vữa xi măng mác 75, quét vôi ve hoàn thiện, hệ thống cửa đi và cửa sổ dùng cửa nhựa lõi thép, nền nhà lát gạch ceramic.

- Nhà bảo vệ và sát trùng 1 tầng với kích thước 9,03 m x 4,63 m. Công trình được thiết kế với kết cấu móng gạch, tường xây gạch không nung 220 chịu lực, mái bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200 dày 10 cm và xây tường thu hồi lợp mái tôn chống nóng, trát hoàn thiện vữa xi măng 75, quét vôi ve hoàn thiện, hệ thống cửa đi và cửa sổ dùng cửa nhựa lõi thép, nền nhà lát gạch ceramic.

4.3.9. Khu thực nghiệm cây trồng:

a) Nhà nuôi cây mô và bảo tồn gen ươm giống:

Nhà nuôi cây mô và bảo tồn gen ươm giống 1 tầng với chiều dài nhà 25,22 m, chiều rộng 10,0 m, chiều cao 5,85 m. Công trình được thiết kế xây dựng bằng khung cột bê tông cốt thép kết hợp tường xây gạch không nung, mái đổ bê tông cốt thép và xây tường thu hồi lợp mái tôn chống nóng, trát hoàn thiện vữa xi măng 75, lăn sơn hoàn thiện 1 lớp lót 2 lớp màu.

b) Nhà sản xuất thực nghiệm và lưu giữ giống gốc số 1 (nhà kính):

Nhà sản xuất thực nghiệm và lưu giữ giống gốc số 1 (nhà kính) có quy mô 1 tầng với chiều dài nhà 40 m, chiều rộng 24,8 m, chiều cao 5,8 m. Công trình có kết cấu móng bê tông, khung thép mạ kẽm, vật liệu bao che là các tấm lưới giảm ánh sáng, lưới chống côn trùng, màng che mưa, màng bảo ôn giữ nhiệt, nền đổ bê tông mác 200 dày 80 mm, mặt nền đặt các giá trồng cây. Hệ thống thông gió trong nhà kính sử dụng các quạt gió công nghiệp công suất 350 W, đường kính D 400 mm, khí hậu trong nhà kính được điều chỉnh bằng hệ thống điều hòa công nghiệp hoạt động hai chiều tự động.

c) Nhà sản xuất thực nghiệm và lưu giữ giống gốc số 2 (nhà lưới):

Nhà sản xuất thực nghiệm và lưu giữ giống gốc số 2 (nhà lưới) có quy mô 1 tầng với chiều dài nhà 74,4 m, chiều rộng 48 m, chiều cao 6 m, phía trong nhà được ngăn chia thành 3 gian nhỏ hơn bằng cách tấm lưới chống côn trùng bằng ni lông. Công trình có kết cấu móng bê tông, khung thép mạ kẽm, vật liệu bao che là các tấm lưới giảm ánh sáng, lưới chống côn trùng, màng che mưa, giữa nhà lưới bố trí một lối đi rộng 2 m đổ bê tông, tường bao xung quanh nhà lưới xây cao 300 mm, phía trên lắp lưới chống côn trùng. Hệ thống thông gió trong nhà lưới sử dụng các quạt gió công nghiệp công suất 350 W, đường kính D 400 mm.

4.3.10. Khu thực nghiệm chăn nuôi:

a) Nhà kỹ thuật 1 tầng:

Nhà 1 tầng với chiều dài nhà 25,0 m; chiều rộng 7 m, chiều cao 5,85 m. Kết cấu móng đơn bê tông cốt thép, khung cột bê tông cốt thép kết hợp tường xây gạch không nung, mái đổ bê tông cốt thép và xây tường thu hồi lợp mái tôn chống nóng, trát hoàn thiện vữa xi măng mác 75, quét vôi ve hoàn thiện.

b) Nhà chăn nuôi gia cầm:

Nhà chăn nuôi gia cầm số 01 và số 02 có quy mô diện tích giải pháp thiết kế tương tự nhau. Công trình có kích thước 32,5 m x 10,0 m, số tầng 01 tầng, chiều cao 5,25 m. Công trình thiết kế tường xây bao quanh cao 1 m, khung cột bê tông cốt thép kết hợp lưới B 40 bao che xung quanh, mái lợp tôn lạnh kết hợp vì kèo, xà gỗ thép hộp mạ kẽm.

c) Nhà ấp trứng:

Nhà 1 tầng với kích thước mặt bằng 5,0 m x 5,0 m, chiều cao 4,8 m. Công trình được xây dựng với kết cấu móng băng xây gạch không nung, tường chịu lực 220; tường xây thu hồi, mái lợp tôn kết hợp xà gỗ thép hộp mạ kẽm.

d) Nhà úm gia cầm:

Nhà 1 tầng với kích thước mặt bằng 10 m x 5,0 m, chiều cao 4,8 m. Công trình được xây dựng với kết cấu móng đơn bê tông cốt thép, khung cột bê tông cốt thép toàn khối, vì kèo thép, mái lợp tôn.

e) Nhà xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi:

Nhà 1 tầng với kích thước mặt bằng 10 m x 10m, chiều cao 4,8 m. Công trình được xây dựng bằng khung cột bê tông cốt thép kết hợp tường bao quanh 220 cao 1 m, mái lợp tôn.

g) Khu xử lý nước thải chăn nuôi:

- Bể xử lý bioga kích thước 9,99 m x 4 m x 2,45 m. Bể được thiết kế đáy và khung dầm cột, mặt bể bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200. Tường xây gạch đặc mác 75.

- Bể xử lý nước thải chăn nuôi kích thước 10 m x 3 m x 4,85 m. Bể được thiết kế bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200 toàn khối.

h) Trạm bơm và bể nước:

- Trạm bơm và tháp nước có kích thước 4 m x 4m cao 10,15 m. Tầng 1 để máy bơm, tầng 3 đặt bể nước với thể tích 38 m³ để cấp nước đi các nơi phục vụ sản xuất trong dự án. Công trình có kết cấu móng băng bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200, gia cố nền móng bằng cọc tre D 60 - D 80mm. Hệ khung cột dầm sàn bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200.

- Bể lọc nước số 1 có kích thước 7,32 m x 4,99 m x 3,2 m; kết cấu bằng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch.

- Bể lọc nước số 2 có kích thước 4,99 m x 4,99 m x 3,2 m; kết cấu bằng bê tông cốt thép kết hợp xây gạch.

- Bể nước ngầm có kích thước 10 m x 6 m x 1,92 m. Bể được thiết kế bê tông cốt thép đá 1 x 2 cm mác 200 toàn khối, gia cố nền bằng cọc tre D 60 mm - D 80 mm.

4.3.11. Giải pháp phòng cháy chữa cháy cho công trình

- Hệ thống phương tiện chữa cháy ban đầu: Trang bị các bình chữa cháy di động, xách tay.

- Hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố: Các đèn được bố trí dẫn lối thoát nạn khi có cháy xảy ra, đèn chiếu sáng sự cố bật sáng khi điện nguồn ngắt.

- Hệ thống chữa cháy ngoài nhà: Bố trí các trụ chữa cháy bên ngoài đảm bảo xe chữa cháy có thể tiếp cận.

4.3.12. Thiết bị:

Các thiết bị phục vụ cho công tác điều hành, nghiên cứu thực nghiệm của dự án:

- Kho vật tư, hóa chất: Giá để đồ, tủ đựng hóa chất, tủ mát bảo quản hóa chất; tủ bảo quản - 30 độ; máy hút ẩm, đồng hồ bấm giờ.

- Phòng chuẩn bị, khử trùng: Máy cất nước, nồi hấp tiệt trùng, giá để đồ, đồng hồ bấm giờ...

- Phòng cấy mô: Tủ cấy vô trùng, thiết bị khử trùng...

- Phòng nuôi: Giàn nuôi cây mô, hệ thống điều chỉnh thời gian chiếu sáng, máy đo cường độ ánh sáng...

- Nhà kính, nhà lưới: Hệ thống điều hòa công nghiệp 2 chiều tự động, máy vắt giá thể, máy tưới nước...

- Các thiết bị cần thiết khác.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

Liên danh Công ty cổ phần tư vấn thiết kế 306 và Công ty cổ phần phát triển công nghệ phòng cháy chữa cháy Việt Nam.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Diện tích đất sử dụng: 99.169,5 m².

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

Dự án nhóm B, lĩnh vực khoa học công nghệ; công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, cấp III, IV; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 20 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- a) Số bước thiết kế: 02 bước.
- b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
- TCVN 4054 - 2005 : Đường ô tô - yêu cầu thiết kế.
 - 22 TCN 211 - 06 : Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
 - 22 TCN 18 - 79: Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn.
 - TCXDVN 4319 : 2012 : Nhà và công trình công cộng - nguyên tắc cơ bản để thiết kế.
 - TCVN 2737 : 1995: Tải trọng và tác động - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 5574 : 2018 : Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 5575 : 2012 : Kết cấu thép - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 9362: 2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
 - TCXD 16 : 1986 : Tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo trong các công trình dân dụng.
 - 11 TCN - 18 : 2006 : Quy phạm trang bị điện.
 - TCVN 9206 : 2012 : Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 9207 : 2012 : Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCXDVN 394 : 2007 : Thiết kế lắp đặt trang thiết bị điện trong các công trình xây dựng - phần an toàn điện.
 - TCVN 9385 : 2012 : Chống sét cho công trình xây dựng, hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
 - TCVN 4474 : 1987 : Thoát nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế.
 - TCVN 6772 : 2000 : Chất lượng nước - nước thải sinh hoạt.
 - TCVN 3991 : 2012 : Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng.
- Và các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư: 70.334.437.000 đồng.

(Bằng chữ: Bảy mươi tỷ ba trăm ba mươi tư triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó:

Đơn vị: Đồng

- Chí phí xây dựng	41.206.921.269
- Chí phí thiết bị	4.467.916.518
- Chí phí quản lý dự án	1.238.480.797
- Chí phí tư vấn xây dựng	3.301.731.689
- Chí phí khác	1.859.448.131
- Chí phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	14.908.645.000
- Chí phí dự phòng	3.351.294.018

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Cơ cấu nguồn vốn:

+ Vốn ngân sách trung ương 60.000 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác: 10.335 triệu đồng.

Năm 2022, dự án được bố trí 15 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê đơn vị có đủ năng lực theo quy định của pháp luật để quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng nội dung thẩm định, phê duyệt để triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo; quản lý dự án đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích nguồn vốn được phân bổ; triển khai thực hiện dự án theo nguồn vốn được phân bổ; tránh gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu VT, CTXDGT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Bích Hằng